TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 233/2024/DS-ST
Ngày: 30/9/2024
V/v "Tranh chấp đòi tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Ngân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Lài;
2. Bà Nguyễn Thị Nhật Bình.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Vương Lệ Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Huệ Thư - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 770/2023/TLST-DS ngày 28 tháng 11 năm 2023 về "Tranh chấp đòi tài sản", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 254/2024/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 9 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên toà số 148/2024/QĐST-DS ngày 27 tháng 9 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: bà Nguyễn Thị Lan C, sinh năm 1968; địa chỉ: ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Tây Ninh (có mặt).

- *Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn*: bà Đỗ Xuân T, sinh năm 1979, địa chỉ: khu phố C, Phường B, thành phố T, tỉnh Tây Ninh, theo văn bản ủy quyền đề ngày 16/5/2024 (vắng mặt).

- *Bị đơn*: ông Hoàng Hữu L, sinh năm 1970, nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: ấp X, xã T, huyện C, tỉnh Tây Ninh và bà Phan Thị Mộng Y, sinh năm 1970, nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: khu phố B, thị trấn C, huyện C, tỉnh Tây Ninh. Ông L, bà Y tạm trú tại: ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tây Ninh (ông L, bà Y có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn – bà Nguyễn Thị Lan C trình bày:

Bà và bà Y là chị em họ với nhau (cách nhau 3 đời). Ông L và bà Y sống chung như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn.

Vào ngày 15/11/2016 (dương lịch) bà cho bà Y và ông L vay số tiền 200.000.000 (hai trăm triệu) đồng, khi cho vay hai bên thỏa thuận lãi suất là 3%/200.000.000 đồng/tháng; thời hạn cho vay là 3 tháng. Từ ngày viết giấy chốt nợ ngày 15/11/2016 (dương lịch) cho đến nay thì bà Y, ông L đã góp được số tiền 29.000.000 (hai mươi chín triệu) đồng. Bà đồng ý cấn trừ số tiền 29.000.000 (hai mươi chín triệu) đồng vào số tiền gốc, lãi đối với khoản vay 200.000.000 (hai trăm triệu) đồng của ông L, bà Y còn nợ lại của bà.

Vào ngày 17/02/2017 dương lịch nhằm ngày 21/01/2017 âm lịch bà Y có hỏi bà vay thêm số tiền 88.600.000 đồng, xin trả dần theo hình thức góp hụi mỗi tháng 10.000.000 đồng góp thành 12 tháng, nên bà viết giấy nội dung đăng hụi cho bà Y. Thực tế là bà không tổ chức hụi, bà Y không tham gia chơi hụi và góp hụi.

Ngày 17/02/2017, bà viết giấy đăng hụi cho bà Y với số tiền 88.600.000 (tám mươi tám trăm triệu sáu trăm nghìn) đồng. Bà Y viết nội dung nhận đủ số tiền và ký chữ Y phía dưới, chữ ký ghi "Y nhận đủ tiền, Y" là của bà Y. Nội dung đăng hụi phía trên và ghi ngày tháng phía dưới là của bà viết.

Nội dung trong giấy nợ đề ngày 21/01/2017 âm lịch có sự sữa chữa ngày. Nội dung ngày tháng có sữa chữa bà là người sửa, lý do sửa là do bà viết nhầm ngày 20 thành 25 nên bà sửa lại, tháng 01 bà viết nhầm nên bà sửa lại. Nội dung tiền cò 500.000 là do bà sữa, bà ghi nhầm số tiền cò 400.000 nên bà sửa lại thành số 500.000. Nội dung số tiền 8.860.000 đồng bà là người sửa, bà tính tiền cò nhầm 400.000 đồng nên bà tính toán nhầm và ghi vào giấy nợ thành 8.960.000 đồng. Sau khi bà tính toán lại thì bà tự sửa lại thành 8.860.000 x 10 phần = 88.600.000 đồng và sửa luôn phần số tiền đăng hụi phía dưới từ 89.600.000 đồng thành 88.600.000 đồng.

Nội dung tính toán và ghi ngày tháng phía dưới chữ ký của bà Y là do bà C ghi vào để theo dõi.

Từ ngày vay tiền ngày 17/02/2017 dương lịch, nhằm ngày 21/01/2017 âm lịch đến nay, bà Y chưa trả cho bà được khoản gốc tiền gốc, lãi nào.

Đến tháng 7/2022 dương lịch, bà đi chợ mua đồ cho bà Y số tiền 9.789.000 đồng. Ngoài ra vào cuối năm 2022, bà Y có vay của bà số tiền 20.000.000 đồng, góp mỗi ngày 150.000 đồng, bà Y đã góp được 10.800.000 đồng, còn lại số tiền 9.200.000 đồng, tiền lãi góp 2.500.000 đồng. Tổng cộng tiền mua đồ và tiền vay góp bà Y còn thiếu của bà là 21.489.000 đồng. Đối với số tiền 21.489.000 đồng, bà Y vay của bà vào năm 2022 bà không khởi kiện bổ sung trong vụ án này. Nếu có yêu cầu bà sẽ khởi kiện vụ án khác.

Ngoài các khoản vay trên thì ông L, bà Y không vay của bà khoản vay nào khác.

Nay bà C vẫn giữ nguyên khởi kiện ban đầu là yêu cầu ông L, bà Y trả cho bà số tiền vay gốc 200.000.000 đồng và lãi suất là 1%/số tiền vay gốc/tháng tính từ ngày 15/11/2016 âm lịch cho đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm. Tạm tính đến

15/11/2023 với số tiền 168.000.000 đồng, tổng cộng gốc lãi là 368.000.000 đồng. Bà đồng ý cấn trừ số tiền 29.000.000 (hai mươi chín triệu) đồng vào số tiền gốc, lãi ông L, bà Y đã góp đối với khoản vay 200.000.000 (hai trăm triệu) đồng vào số tiền của ông L, bà Y còn nợ lại của bà.

Nay bà khởi kiện bổ sung yêu cầu ông L, bà Y có nghĩa vụ liên đới trả cho bà số tiền vay gốc 88.600.000 đồng và lãi suất 1% tính từ ngày vay 17/02/2017 dương lịch, nhằm ngày 21/01/2017 âm lịch cho đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm.

Bà C xác định lại địa chỉ hiện nay bà Y đăng ký hộ khẩu thường trú là khu phố B, thị trấn C, huyện C, tỉnh Tây Ninh; địa chỉ tạm trú: Tổ A, ấp T, xã T, huyện C, Tây Ninh. Hiện nay bà Y đã đi Mỹ định cư, địa chỉ cư trú cụ thể hiện nay của bà Y ở đâu, làm gì thì bà không biết.

Về án phí chi phí tố tụng bà đề nghị Hội đồng xét xử xem xét theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn không có yêu cầu khởi kiện bổ sung.

Bị đơn bà Phan Thị Mộng Y trình bày tại biên bản lấy lời khai đề ngày 01/12/2023:

Bà và bà C là chị em họ với nhau (cách nhau 3 đời). Ông L và bà sống chung như vợ chồng từ khoảng năm 2004 đến nay nhưng không đăng ký kết hôn. Bà và ông L có 02 người con chung.

Từ năm 2012, bà và ông L có vay của bà C nhiều lần hình thức vay trả góp hàng ngày và vay đứng (chỉ đóng tiền lãi, tiền gốc không trả). Đến khoảng năm 2016 bà không nhớ thời gian cụ thể, bà và ông L làm ăn thất bại nên không có khả năng để trả góp cho bà C. Bà và ông L có gặp bà C để chốt lại số tiền vay gốc và lãi. Bà C lập sẵn tờ giấy nhận nợ nội dung có mượn của bà C số tiền 200.000.000 đồng không ghi rõ nợ gốc hay lãi. Bà thừa nhận bà và ông L có ký tên vào giấy nhận nợ, chữ ký Y và L phía dưới là của bà và ông L. Nội dung giấy nhận nợ ai viết thì bà không biết. Khi viết giấy nhận nợ thì bà C thỏa thuận cho bà được trả góp mỗi tháng 200.000 đồng cho đến khi trả hết nợ. Tuy nhiên nội dung hứa 03 tháng sẽ trả đủ ai viết thêm vào thì bà và ông L không biết.

Sau khi viết giấy nhận nợ vào năm 2016, bà và ông L đã góp được cho bà C mỗi ngày 200.000 đồng/1 ngày, trả được 6 tháng với số tiền 36.000.000 đồng. Và trả được 100.000 đồng/1 ngày, trả được 10 tháng, tổng cộng 30.000.000 đồng. Sau đó trả thêm được 70.000 đồng/ ngày góp được bao nhiêu ngày thì bà không nhớ. Bà chỉ nhớ được đã trả cho bà C là 66.000.000 đồng tiền vay gốc. Bà và ông L trả tiền cho bà C không cung cấp được chứng cứ chứng minh.

Bà và ông L có vay thêm của bà C nhiều khoản tiền khác, có vay có trả nhiều lần nên bà và ông L không nhớ được còn nợ của bà C khoản vay nào khác không.

Nay bà C khởi kiện yêu cầu bà và ông L trả cho C số tiền 368.000.000 (ba trăm sáu mươi tám triệu) đồng trong đó có 200.000.000 (hai trăm triệu) đồng tiền vay gốc và 168.000.000 (một trăm sáu mươi tám triệu) đồng tiền lãi thì bà không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của bà C. Bà và ông L chỉ đồng ý trả cho bà C số

tiền vay gốc là 134.000.000 (một trăm ba mươi bốn triệu) đồng. Xin không không trả lãi do hiện nay kinh tế khó khăn, làm ăn thất bại.

Trong quá trình giải quyế vụ án, bị đơn ông Hoàng Hữu L trình bày:

Ông đồng ý thống nhất với lời khai, lời trình bày của bà Y trong quá trình giải quyết vụ án. Ông không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của bà C. Ông chỉ đồng ý trả cho bà C số tiền vay gốc là 134.000.000 (một trăm ba mươi bốn triệu) đồng, xin không không trả lãi do hiện nay kinh tế khó khăn, làm ăn thất bại.

Ông không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện bổ sung của bà C yêu cầu ông và bà Y trả số tiền vay gốc 88.600.000 đồng và lãi suất 1%/tháng/số tiền vay gốc tính từ ngày vay 17/02/2017 dương lịch, nhằm ngày 21/01/2017 âm lịch cho đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm. Lý do từ sau ngày chốt nợ và viết giấy nhận nợ đề ngày 15/11/2016, ông và bà Y không vay của bà C thêm khoản tiền nào khác. Ông và bà Y không vay của bà C số tiền vay gốc là 88.600.000 đồng. Nên ông không đồng ý trả cho bà C số tiền lãi theo yêu cầu khởi kiện.

Hiện nay bà Y đã đi Mỹ vào ngày 17/12/2023. Hiện nay chỉ còn ông ở Việt Nam. Ông không khẳng định được chữ ký, chữ viết trong giấy đăng hụi đề ngày 21/01/2017 nhằm ngày 17/02/2017 dương lịch là của bà Y.

Ông yêu cầu Toà án áp dụng thời hiệu khởi kiện đối với giao dịch vay mượn tiền và góp hụi giữa vợ chồng ông và bà C theo giấy nhận nợ đề ngày 15/11/2016 và giấy nhận hụi đề ngày 21/01/2017 (ghi chú ngày 17/02/2017 dương lịch). Lý do các giao dịch vay mượn tiền giữa vợ chồng ông và bà C đã quá thời hạn 03 năm theo quy định của Điều 149, 429 của Bộ luật Dân sự và Điều 184 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về án phí chi phí tố tụng ông L đề nghị Toà án xem xét theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa: Bà C giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của bà. Bà huỷ bỏ toàn bộ nội dung uỷ quyền của bà cho bà Đỗ Xuân T theo văn bản ủy quyền đề ngày 16/5/2024. Tại phiên toà bà sẽ tự trình bày ý kiến để tự bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà.

Bà T, bà Y, ông L vắng mặt nên không có lời khai, lời trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan; đương sự chấp hành đúng các quy định của pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Về nội dung vụ án: căn cứ vào Điều 149, 166, 429 của Bộ luật Dân sự; Điều 147, Điều 184, Điều 217, Điều 218 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị Hội đồng xét xử:

Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Lan C về yêu cầu tính lãi.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Lan C về "Tranh chấp đòi tài sản" đối với bà Phan Thị Mộng Y và ông Hoàng Hữu L.

Buộc ông Hoàng Hữu L và bà Phan Thị Mộng Y có nghĩa vụ liên đới trả cho bà C số tiền vay gốc là 171.000.000 đồng.

Buộc bà Phan Thị Mộng Y có nghĩa vụ trả cho bà C số tiền vay gốc là 88.600.000 đồng đồng.

Các đương sự chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền và quan hệ tranh chấp*:* bà Nguyễn Thị Lan C nộp đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Hoàng Hữu L, có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: ấp X, xã T, huyện C, tỉnh Tây Ninh và bà Phan Thị Mộng Y có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: tại khu phố B, thị trấn C, huyện C, tỉnh Tây Ninh cùng có nghĩa vụ trả cho bà số vay gốc 288.600.000 đồng và lãi suất 1%/tháng/số tiền vay tính từ ngày vay cho đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm; đây là "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản", theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền, phù hợp với quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: bị đơn bà Y, ông L vắng mặt có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn - bà T đã được triệu tập hợp lệ vắng mặt tại phiên toà lần thứ 2 căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà Y, ông L, bà T.

[3] Về nội dụng:

[3.1] Xét về chứng cứ do nguyên đơn giao nộp và số tiền vay gốc theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thấy rằng:

Xét yêu cầu khởi kiện của bà C buộc bà Y, ông L có nghĩa vụ liên đới trả cho bà số tiền vay gốc 200.000.000 đồng và lãi suất là 1%/số tiền vay gốc/tháng tính từ ngày 15/11/2016 âm lịch cho đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm. Tạm tính đến 15/11/2023 với số tiền 168.000.000 đồng, tổng cộng gốc lãi là 368.000.000 đồng. Bà C đồng ý cấn trừ số tiền 29.000.000 (hai mươi chín triệu) đồng là số tiền gốc, lãi ông L, bà Y đã góp đối với khoản vay 200.000.000 (hai trăm triệu) đồng vào số tiền gốc, lãi của ông L, bà Y còn nợ lại của bà. Bà khởi kiện bổ sung yêu cầu ông L, bà Y có nghĩa vụ liên đới trả cho bà số tiền vay gốc 88.600.000 đồng và lãi suất 1% tính từ ngày vay ngày 21/01/2017 âm lịch, nhằm 17/02/2017 dương lịch cho đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm, thấy rằng:

Quá trình giải quyết vụ án ông L, bà Y thừa nhận có vay của bà C số tiền 200.000.000 đồng không nhớ thời gian vay cụ thể. Do làm ăn thất bại nên đến năm

2016, bà Y, ông L có viết giấy chốt nợ với bà C số tiền vay 200.000.000 đồng. Bà Y, ông L khai sau khi chốt nợ có trả cho bà C được số tiền 66.000.000 đồng nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh. Xét giấy nhận nợ đề ngày 15/11/2016 DL (bút lục 41) do bà C cung cấp không thể hiện nội dung hai bên thỏa thuận về lãi suất. Quá trình giải quyết vụ án bà Y, ông L đều khai số tiền này vay không có lãi suất. Bà C thừa nhận có nhận của ông L, bà Y số tiền 29.000.000 đồng. Bà đồng ý khấu trừ vào số tiền gốc, lãi mà bà Y, ông L phải trả cho bà. Như vậy số tiền vay gốc ông L bà Y còn nợ lại là 171.000.000 đồng. Ông L, bà Y cho rằng đây là khoản vay chung, cùng có nghĩa vụ trả cho bà C do vậy cần buộc ông L, bà Y cùng có nghĩa vụ liên đới trả cho bà C số tiền này.

Đối với giấy nhận nợ đề 21/01/2017 âm lịch (nhằm ngày 17/02/2017 dương lịch) viết dưới hình thức đăng hụi (bút lục 40) số tiền trong giấy nợ có sự sữa chữa từ 89.500.000 đồng thành 88.600.000 đồng là ít hơn. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã trưng cầu giám định chữ ký Y và chữ viết nội dung "Y nhận đủ tiền" của bà Y kết luận đây là chữ ký, chữ viết của bà Y. Do vậy bà C yêu cầu khởi kiện số tiền 88.600.000 đồng là có căn cứ. Quá trình giải quyết vụ án bà Y và ông L đều không thừa nhận có khoản vay này và không đồng ý trả cho bà C. Ông L, bà Y, bà C khai ông L, bà Y sống chung với nhau như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn do vậy khoản vay này chỉ có bà Y ký tên ông L không thừa nhận nên cần buộc bà Y có nghĩa vụ trả cho bà C số tiền này. Không có căn cứ buộc ông L có nghĩa vụ liên đới cùng bà Y trả số tiền này.

[3.2] Xét về yêu cầu tính lãi của nguyên đơn thấy rằng:

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Hoàng Hữu L, yêu cầu áp dụng thời hiệu đối với hợp đồng vay đề ngày 21/01/2017 âm lịch (nhằm ngày 17/02/2017 dương lịch và hợp đồng vay đề ngày 15/11/2016 dương lịch. Xét 02 hợp đồng trên tính đến nay đã hơn 03 năm. Căn cứ khoản 1 Điều 184 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 149, Điều 429 của Bộ luật Dân sự thì thời hiệu khởi kiện về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" đối với 02 hợp đồng trên là đã hết. Yêu cầu của ông L được đưa ra trước khi Toà án ra bản án, quyết định. Do vậy Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của bà C về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" nên không xem xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về số tiền lãi.

Đối với yêu cầu trả tiền gốc của nguyên đơn đây là yêu cầu về quyền sở hữu tài sản không áp dụng thời hiệu nên quan hệ tranh chấp được xác định lại là "Tranh chấp đòi tài sản" theo quy định tại khoản 2 Điều Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà C về việc buộc bà Y, ông L trả số tiền vay gốc 171.000.000 đồng và buộc bà Y trả số tiền vay gốc 88.600.000 đồng.

Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ nên chấp nhận.

Từ những nhận định trên có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà C.

[4] Về án phí, chi phí tố tụng khác: Do yêu cầu khởi kiện của bà C được chấp nhận nên bà C không phải chịu án phí, hoàn trả cho bà C số tiền tạm ứng án phí đã nộp. Ông L, bà Y phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 149, Điều 166, Điều 429 của Bộ luật Dân sự; Điều 5, khoản 2 Điều 26, Điều 147, Điều 184, Điều 217, Điều 218 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 3 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Lan C về yêu cầu tính lãi.

Bà C không được quyền khởi kiện lại đối với ông L, bà Y về yêu cầu tính lãi theo hợp đồng vay đề ngày 21/01/2017 âm lịch (nhằm ngày 17/02/2017 dương lịch) và hợp đồng vay đề ngày 15/11/2016 dương lịch.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Lan C về "Tranh chấp đòi tài sản" đối với bà Phan Thị Mộng Y và ông Hoàng Hữu L.

Buộc bà Phan Thị Mộng Y và ông Hoàng Hữu L có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị Lan C số tiền 171.000.000 (một trăm bảy mươi mốt triệu) đồng.

Buộc bà Phan Thị Mộng Y có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị Lan C số tiền 88.600.000 (tám mươi tám triệu sáu trăm nghìn) đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Hoàng Hữu L, bà Phan Thị Mộng Y có nghĩa vụ liên đới phải chịu 8.550.000 (tám triệu năm trăm năm mươi nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Phan Thị Mộng Y phải chịu 4.430.000 (bốn triệu bốn trăm ba mươi nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bà C không phải chịu án phí, hoàn trả cho bà C số tiền tạm ứng án phí đã nộp 9.200.000 (chín triệu hai trăm nghìn) đồng theo iên lai thu số 0008603 ngày 28/11/2023 và số tiền 3.833.000 (ba triệu tám trăm ba mươi ba nghìn) đồng theo biên lai thu số 0008634 ngày 07/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành.

4. Về chi phí tố tụng: bà Phan Thị Mộng Y có nghĩa vụ chịu 4.000.000 (bốn triệu) đồng chi phí giám định. Số tiền này bà C đã nộp, bà Y có nghĩa vụ nộp trả lại cho bà C.

5. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sựngười được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Về quyền kháng cáo:

Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Các đương sự;
- Phòng KTNV&TĐKT tòa án tỉnh TN;
- Lưu trữ tại TANDH Châu Thành;
- Lưu hồ sơ;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(đã ký)

Nguyễn Thị Kim Ngân